

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 344/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển
công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 69/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế,
chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 253/2025/QH15 của Quốc hội về các cơ chế, chính
sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về ứng dụng khoa học, công
nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và các biện pháp để tổ chức hướng dẫn
thi hành Điều 8 Luật Điện lực về ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển
công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực, gồm:

1. Danh mục các hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng nhằm
duy trì cung cấp điện liên tục, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia được ưu
tiên sản xuất, cung cấp trong nước.

2. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ; công nghiệp chế tạo thiết bị điện và dịch vụ năng lượng trong lĩnh vực điện lực.

3. Cơ chế khuyến khích và hỗ trợ phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ; công nghiệp thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị điện và cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực điện lực.

4. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế tạo thiết bị điện và dịch vụ điện; thực hiện các yêu cầu, chỉ tiêu về tỷ lệ nội địa hóa trong công nghiệp điện; khuyến khích phát triển doanh nghiệp trong nước có quy mô lớn, trình độ công nghệ tiên tiến, có khả năng thực hiện các dự án phức tạp, yêu cầu kỹ thuật cao trong lĩnh vực điện lực, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

5. Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản xuất thiết bị điện là việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, phương tiện, máy móc, thiết bị, cơ khí điện cung ứng cho các công trình điện lực.

2. Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng là khu chức năng tích hợp các hoạt động nghiên cứu, chế tạo thử nghiệm, sản xuất thiết bị điện; cung cấp các dịch vụ xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo trì các dự án điện và dịch vụ liên quan khác phục vụ trong lĩnh vực điện lực.

3. Chương trình phát triển công nghệ, công nghiệp chế tạo thiết bị điện và dịch vụ năng lượng là tập hợp các nhiệm vụ có mục tiêu chung để giải quyết các vấn đề trong hoạt động điện lực, duy trì cung cấp điện liên tục, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, thực hiện các yêu cầu chỉ tiêu về tỷ lệ nội địa hóa trong công nghiệp điện, sử dụng điện nhằm tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường, bảo vệ hành lang bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Chương II

HẠNG MỤC, THIẾT BỊ, DỊCH VỤ VÀ CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG, NGHIÊN CỨU CHẾ TẠO SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN TRONG NƯỚC

Điều 4. Xác định các hạng mục, thiết bị và dịch vụ quan trọng để duy trì cung cấp điện liên tục, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia

1. Hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng trong lĩnh vực điện lực phải được phát triển, sản xuất, cung cấp trong nước ở một số công đoạn, đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Ảnh hưởng trực tiếp và mang tính quyết định đến việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, bao gồm: duy trì ổn định cung cấp điện, nâng cao độ tin cậy hệ thống truyền tải, vận hành ổn định và an toàn cho hệ thống điện; bảo mật dữ liệu; tránh phụ thuộc sản phẩm công nghệ có nguy cơ gây mất kiểm soát hệ thống;

b) Tư vấn đầu tư dự án nguồn điện mới, phức tạp, đòi hỏi kỹ thuật cao trong lĩnh vực điện lực, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế;

c) Dịch vụ vận hành, bảo trì nhà máy điện, lưới điện và các công trình điện lực quan trọng nhằm bảo đảm vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, liên tục và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia;

d) Dịch vụ công nghệ, giải pháp bảo mật và an ninh cho hệ thống điều khiển và vận hành lưới điện, bảo đảm an toàn vận hành lưới điện, bảo đảm cung cấp điện ổn định.

2. Theo từng thời kỳ phù hợp với khả năng làm chủ công nghệ, sản xuất trong nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành:

a) Danh mục hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng để duy trì cung cấp điện liên tục, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia phải được sản xuất và cung cấp trong nước ở một số công đoạn;

b) Danh mục hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực điện lực khuyến khích sản xuất và cung ứng trong nước.

Điều 5. Chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ, công nghiệp chế tạo thiết bị điện và dịch vụ năng lượng

1. Nguyên tắc xây dựng chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ, công nghiệp chế tạo thiết bị điện và dịch vụ năng lượng

a) Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành điện lực;

b) Có tính thực tiễn, bảo đảm kết quả nghiên cứu, ứng dụng chế tạo sản xuất thiết bị điện vào thực tế, mang lại hiệu quả kinh tế và kỹ thuật; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong hoạt động điện lực, sử dụng điện nhằm tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường, bảo vệ hành lang bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

c) Nâng cao tỷ lệ giá trị thiết bị chế tạo do các doanh nghiệp cơ khí trong nước thực hiện trong các dự án điện lực;

d) Việc ứng dụng, nghiên cứu và làm chủ các công nghệ để sản xuất các thiết bị điện quan trọng, đặc biệt là những công nghệ đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, năng lượng tái tạo, năng lượng mới, lưới điện thông minh;

đ) Các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, hoặc những thiết bị điện có nhu cầu lớn trong nước như thiết bị truyền tải, phân phối điện và công nghệ năng lượng tái tạo;

e) Chương trình tập trung vào công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ mới, công nghệ phục vụ dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh có tiềm năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng, đổi mới mô hình tăng trưởng, năng lực cạnh tranh quốc gia và chủ động tham gia chuỗi giá trị toàn cầu;

g) Khuyến khích sự tham gia chủ động của doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, viện, trường; thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, khu vực, ngành và địa phương; tăng cường khả năng thương mại hóa kết quả;

h) Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế tạo và dịch vụ phục vụ ngành năng lượng theo hướng tăng cường nội lực, hướng đến xuất khẩu; ưu tiên phát triển các ngành chế tạo máy, thiết bị điện;

i) Đáp ứng một hoặc một số tiêu chí được quy định tại Điều 25 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nội dung chủ yếu chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ, công nghiệp chế tạo thiết bị điện và dịch vụ năng lượng, bao gồm:

- a) Tên, mục tiêu, nội dung chương trình;
- b) Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá;
- c) Cơ quan chủ trì quản lý chương trình;
- d) Thời gian thực hiện chương trình;
- đ) Dự kiến tổng kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn đối ứng, xã hội hóa);
- e) Đề xuất cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đặc thù của chương trình;
- g) Hợp tác quốc tế (nếu có);
- h) Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của chương trình.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm xây dựng chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ, công nghiệp chế tạo thiết bị điện và dịch vụ năng lượng cho từng giai đoạn, bảo đảm sự phối hợp hiệu quả giữa ngành, lĩnh vực và địa phương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương III **CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CHẾ TẠO** **PHỤC VỤ NGÀNH ĐIỆN LỰC**

Điều 6. Ưu đãi chung cho các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện trong lĩnh vực điện lực

1. Doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện thuộc Danh mục tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này được hưởng các ưu đãi của ngành nghề sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế, đất đai, chế độ kế toán và pháp luật có liên quan khác.

2. Doanh nghiệp khi thực hiện Dự án đầu tư sản xuất thiết bị điện thuộc Danh mục tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này có quy mô vốn đầu tư, tiến độ giải ngân theo quy định của Chính phủ, đáp ứng các tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị sản xuất trong nước theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được hưởng các hình thức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại pháp luật đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, thiết bị điện và linh kiện, phụ tùng, vật liệu phục vụ sản xuất thiết bị điện trong Danh mục tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này thuộc diện khuyến khích, hỗ trợ phát triển được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ:

a) Đối với sản phẩm, thiết bị điện thuộc danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về phát triển sản phẩm cơ khí trọng điểm;

b) Đối với linh kiện, phụ tùng và vật liệu phục vụ sản xuất thiết bị điện thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

c) Đối với sản phẩm, thiết bị điện thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Điều 7. Cơ chế sử dụng hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng trong lĩnh vực điện lực

1. Các hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn thuộc Danh mục quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị định này được đặt hàng theo quy định của pháp luật về đấu thầu đối với trường hợp lần đầu được sản xuất, cung cấp trong nước.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hạng mục, thiết bị và dịch vụ thuộc Danh mục quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này có trách nhiệm thông tin, chào hàng để phục vụ việc đặt hàng, cung ứng, sử dụng trong nước.

Điều 8. Cơ chế đặt hàng và ưu đãi đối với sản phẩm thiết bị điện

1. Xem xét giao thực hiện theo cơ chế đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hạng mục, sản phẩm thiết bị và dịch vụ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Sản xuất, chế tạo trong nước được đánh giá, thử nghiệm, kiểm định đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định;

b) Hình thành từ kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo đáp ứng các điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giá và khối lượng đặt hàng được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất, cung ứng hợp lý, hợp lệ, cộng với một khoản lợi nhuận hợp lý theo quy định của pháp luật về giá. Nhà cung cấp có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng các chi phí này và thực hiện kiểm toán độc lập đối với giá đặt hàng theo quy định.

3. Nhà cung cấp nhận đặt hàng được hưởng các cơ chế sau đây:

- a) Được ưu đãi về giá (không quá 10% so với giá thành sản phẩm nhập khẩu tương tự) khi tính giá đặt hàng đối với sản phẩm nhận đặt hàng;
- b) Được miễn các yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm khi tham gia đặt hàng;
- c) Được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hình sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học, công nghệ, về đặt hàng và không có mục đích vụ lợi, không có hành vi gian lận hay cố ý vi phạm pháp luật trong trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước.

Điều 9. Cung ứng hạng mục, thiết bị và dịch vụ được sản xuất trong nước

1. Các hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn thuộc danh mục tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này đã được sản xuất, chế tạo trong nước, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, chất lượng theo quy định của pháp luật phải được cung ứng, sử dụng trong công trình điện lực.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm, thiết bị điện quy định tại khoản 1 Điều này:

- a) Được hưởng các cơ chế hỗ trợ và ưu đãi phù hợp theo quy định pháp luật;
- b) Được tiếp cận các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ, kỹ thuật và mở rộng quy mô sản xuất từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Sản phẩm thiết bị điện sử dụng công nghệ đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia được đặt hàng, hưởng các cơ chế hỗ trợ và ưu đãi quy định của pháp luật liên quan và quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 10. Hỗ trợ thử nghiệm, đánh giá và chứng nhận sản phẩm

Tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu công nghệ, phát triển các hạng mục, thiết bị, dịch vụ tư vấn quan trọng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này được hỗ trợ 50% kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung, trung tâm thử nghiệm, đo lường, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm.

Điều 11. Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực điện lực

1. Tổ chức, doanh nghiệp tiến hành các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ trong công nghiệp chế tạo phục vụ ngành điện lực được hưởng các hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số.

2. Nhà nước hỗ trợ thành lập các Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng để hình thành hệ sinh thái nghiên cứu và phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, thương mại hóa các sản phẩm công nghiệp chế tạo và cung ứng các dịch vụ phụ trợ cho ngành điện lực.

Điều 12. Hỗ trợ về nguồn nhân lực chất lượng cao

Doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện được hỗ trợ không vượt quá 70% kinh phí thuê chuyên gia, nhà khoa học phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các hạng mục, thiết bị, công nghệ và dịch vụ tư vấn thuộc danh mục quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này, trên cơ sở khả năng cân đối nguồn lực, theo chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, để duy trì cung cấp điện liên tục, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Điều 13. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện được hưởng các hỗ trợ tín dụng như sau:

1. Được hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước trong danh mục theo khoản 2 Điều 4.

2. Được ưu tiên vay từ các quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, quỹ hỗ trợ về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện các dự án nghiên cứu và phát triển, chế tạo thử nghiệm sản phẩm thiết bị điện.

Chương IV

TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG

Điều 14. Chức năng của Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng

1. Triển khai các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án về nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ năng lượng, trọng tâm là nghiên cứu chế tạo thiết bị điện và ứng dụng các dạng năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng thông minh, các giải pháp tiết kiệm năng lượng.

2. Cung cấp các dịch vụ xây dựng, lắp đặt, vận hành và bảo trì các dự án điện.

3. Cung cấp các dịch vụ, giải pháp chuyển đổi số, quản lý vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu và các nội dung ứng dụng khoa học, công nghệ khác trong lĩnh vực điện lực.

4. Đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện lực.

5. Các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về điện lực.

Điều 15. Tiêu chí lựa chọn địa điểm thành lập Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng

1. Vị trí địa lý thuận lợi, gần các vùng có tiềm năng phát triển các dự án điện lớn, giảm chi phí vận chuyển, lắp đặt các cấu kiện siêu trường, siêu trọng.

2. Có khả năng kết nối hoặc xây dựng mới cảng nước sâu, bến cảng chuyên dùng đáp ứng yêu cầu tiếp nhận tàu trọng tải lớn, bốc xếp, lưu trữ và vận chuyển các thiết bị điện có kích thước và khối lượng lớn.

3. Có đủ quỹ đất để xây dựng các nhà máy sản xuất, lắp ráp sản phẩm, thiết bị; các cơ sở công nghiệp hỗ trợ; trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực điện lực; khu thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển; và các công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ khác.

4. Khả năng kết nối thuận tiện với hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

5. Có nguồn nhân lực tại chỗ hoặc có khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho hoạt động của Tổ hợp.

6. Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia.

7. Có tiềm năng hình thành các cụm liên kết ngành, thu hút đầu tư từ các nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) hàng đầu thế giới và các nhà cung cấp trong chuỗi giá trị điện gió ngoài khơi.

Điều 16. Thành lập Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng

1. Khu chức năng được công nhận là Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 15 của Nghị định này;

b) Phù hợp với chính sách, chiến lược, quy hoạch của Nhà nước về phát triển điện lực, phát triển ngành cơ khí;

c) Phù hợp với định hướng, mục tiêu của quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

2. Việc thành lập Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng được thực hiện thông qua lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng theo các phương thức:

a) Sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

c) Sử dụng vốn doanh nghiệp.

3. Trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng:

a) Dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan;

b) Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

c) Dự án đầu tư sử dụng vốn doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng được xác định là đã được hình thành kể từ ngày cấp có thẩm quyền:

a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án (đối với dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư) đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư hoặc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 17. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho việc đầu tư, xây dựng và vận hành Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng

1. Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng, bao gồm cảng biển chuyên dùng, đường giao thông nội khu, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và các công trình hạ tầng thiết yếu khác, được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các pháp luật có liên quan, căn cứ vào ngành, nghề, địa bàn và điều kiện cụ thể của từng dự án.

2. Nhà nước ưu tiên bố trí vốn đầu tư công, vốn ODA hoặc áp dụng các mô hình PPP để hỗ trợ đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật dùng chung có vai trò quan trọng, mang tính kết nối và lan tỏa trong Tổ hợp mà khó thu hút vốn đầu tư tư nhân.

3. Các dự án đầu tư sản xuất thiết bị điện và các dự án công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics chuyên dụng, trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực điện lực trong Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau:

a) Được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

b) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện phục vụ sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế, hải quan;

c) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Hỗ trợ chi phí đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bao gồm cả việc gửi chuyên gia đi đào tạo ở nước ngoài và mời chuyên gia nước ngoài về giảng dạy, chuyển giao công nghệ;

đ) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế.

Điều 18. Phát triển chuỗi cung ứng và dịch vụ phụ trợ nội địa cho Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng cho các nhà máy sản xuất thiết bị điện trong các Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng.

2. Tổ chức các chương trình kết nối kinh doanh, xúc tiến đầu tư giữa các nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) với các nhà cung cấp tiềm năng trong nước để hình thành mạng lưới công nghiệp hỗ trợ.

3. Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước nâng cao năng lực quản lý, công nghệ, chất lượng sản phẩm để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn của ngành công nghiệp chế tạo phục vụ ngành điện lực.

4. Phát triển các dịch vụ logistics chuyên dụng (như vận tải siêu trường siêu trọng; lắp đặt ngoài khơi, bảo trì bảo dưỡng tua bin gió; xây dựng, lắp đặt các hạng mục, thiết bị nhà máy điện...) và các dịch vụ kỹ thuật khác phục vụ cho hoạt động của các Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng và các dự án điện, ưu tiên phát triển năng lực của các doanh nghiệp dịch vụ trong nước.

Điều 19. Quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng

1. Kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng bao gồm:

a) Cơ sở nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, đo kiểm, sản xuất thử nghiệm; phòng thí nghiệm;

b) Công trình, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, thực hành, thực tập;

c) Hệ thống thông tin, trung tâm dữ liệu;

d) Hệ thống logistics phục vụ các doanh nghiệp, đơn vị;

đ) Các tòa nhà, nhà xưởng sản xuất;

e) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm đường giao thông, điện, nước sạch, cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác;

g) Các công trình khác phục vụ hoạt động của Tổ hợp.

2. Kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được xác định là tài sản kết cấu hạ tầng, việc quản lý, sử dụng và khai thác thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

3. Đơn vị quản lý, vận hành và khai thác Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng là tổ chức được thành lập hoặc được giao nhiệm vụ để thực hiện công tác quản lý, vận hành và khai thác Tổ hợp; cung ứng dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghiệp chế tạo phục vụ ngành điện lực và các hoạt động khác có liên quan của doanh nghiệp, đơn vị trong Tổ hợp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan trung ương

1. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế, chính sách về phát triển công nghiệp chế tạo thiết bị điện, dịch vụ phụ trợ trong lĩnh vực điện lực;

b) Xác định các định hướng ưu tiên nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực điện lực; đặt hàng các nhiệm vụ khoa học công nghệ theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, kết nối thị trường cho các sản phẩm thiết bị điện và dịch vụ phụ trợ sản xuất trong nước;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác kiểm tra, quản lý nhà nước theo quy định Nghị định này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó có các nội dung liên quan đến lĩnh vực điện lực;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong lĩnh vực điện lực;

c) Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, các chương trình, dự án sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên về ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Lồng ghép các mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp chế tạo thiết bị điện và ứng dụng khoa học công nghệ trong ngành điện vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, vùng và các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực nghiên cứu, phát triển, sản xuất thiết bị điện công nghệ cao, năng lượng tái tạo và các dịch vụ phụ trợ;

d) Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư đối với các dự án trong lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí và các chính sách tài chính khác nhằm khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan;

e) Bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước hàng năm cho các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Các bộ, ngành liên quan khác:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ định hướng, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học xây dựng, đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo các ngành, chuyên ngành liên quan đến kỹ thuật điện, tự động hóa, năng lượng tái tạo, quản lý năng lượng và các lĩnh vực công nghệ mới trong ngành điện, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao; định hướng, khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cập nhật chương trình, chuẩn đầu ra, nội dung thực hành, thực tập, bồi dưỡng kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành điện;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị điện, các Tổ hợp công nghiệp điện gió ngoài khơi và các công trình điện lực;

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế, chính sách về ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực trên địa bàn quản lý.

2. Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, kế hoạch cụ thể của địa phương nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất thiết bị điện và cung cấp dịch vụ phụ trợ.

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành trong việc quy hoạch, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho các dự án sản xuất thiết bị điện, các Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng trên địa bàn.

4. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, môi trường đầu tư cho các doanh nghiệp triển khai dự án; hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại, kết nối thị trường.

5. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật đối với các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này trên địa bàn.

6. Định kỳ báo cáo Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan về tình hình thực hiện Nghị định này tại địa phương.

7. Xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lực khoa học và công nghệ, sản xuất thiết bị trong lĩnh vực điện lực; định kỳ báo cáo Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện

1. Doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện có các quyền sau đây:

- a) Được hưởng ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định;
- b) Được hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, tín dụng ưu đãi và các nguồn vốn đầu tư theo quy định;
- c) Được ưu tiên xem xét trong việc lựa chọn cung cấp thiết bị cho các dự án điện lực trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, an toàn, tiến độ và hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật;
- d) Được tiếp cận các phòng thí nghiệm, trung tâm thử nghiệm, quỹ khoa học và công nghệ để phát triển, thử nghiệm sản phẩm;
- đ) Được đăng ký, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm, công nghệ do mình tạo ra;
- e) Quyền khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Bảo đảm sản phẩm, thiết bị sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- b) Duy trì và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong sản xuất thiết bị điện; nghiên cứu, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số;
- c) Công khai, minh bạch về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh;
- d) Thực hiện trách nhiệm bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị điện do mình sản xuất, cung cấp;
- đ) Tham gia đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng;
- e) Chịu chế tài xử lý theo quy định của pháp luật trong trường hợp cung cấp sản phẩm kém chất lượng, gian lận thương mại hoặc không thực hiện đúng cam kết nội địa hóa;

- g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước theo quy định;
- h) Nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 23. Cơ chế giám sát, quản lý và chế tài thực hiện Nghị định

1. Nguyên tắc giám sát, quản lý.

- a) Việc quản lý, vận hành dự án điện lực phải bảo đảm ổn định, an toàn, hiệu quả theo thiết kế được phê duyệt, gắn liền với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia;
- b) Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong toàn bộ quá trình triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực;
- c) Hoạt động giám sát gắn với việc thực hiện các mục tiêu: nội địa hóa, đổi mới công nghệ, phát triển chuỗi cung ứng trong nước và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia;
- d) Các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ phải được kiểm tra, đánh giá định kỳ.

2. Trách nhiệm quản lý

- a) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm quản lý tiến độ đầu tư, giám sát vận hành an toàn hệ thống điện, an toàn điện; theo dõi việc thực hiện cam kết về tỷ lệ nội địa hóa, chuyển giao công nghệ và sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong nước theo quy định của Nghị định này;
- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý, giám sát dự án; tổ chức quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân liên quan tại địa phương theo thẩm quyền;
- c) Quản lý các dự án điện lực, ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, điện lực, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Chế tài xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này hoặc không thực hiện đúng cam kết khi được hưởng ưu đãi, hỗ trợ thì bị thu hồi, truy thu các khoản ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng không đúng quy định; trường hợp có hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư, điện lực, môi trường và pháp luật có liên quan.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). **14**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc